

Bài báo nghiên cứu

***KHÚC HÁT NHỮNG DÒNG SÔNG CỦA NGUYỄN THẾ QUANG
TỪ GÓC NHÌN CỦA “LÍ THUYẾT THẾ GIỚI NGÔN TỪ”******Trần Thị Nhật^{1*}, Hồ Linh Trung², Lê Nguyễn Thùy Dương¹****¹Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam**²Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm, Việt Nam***Tác liên hệ: Trần Thị Nhật – Email: tnhat@sgu.edu.vn**Ngày nhận bài: 10-11-2025; Ngày nhận bài sửa: 16-12-2025; Ngày duyệt đăng: 13-01-2026***TÓM TẮT**

Bài viết hướng tới việc vận dụng “Lí thuyết Thế giới ngôn từ” để tiếp cận tiểu thuyết Khúc hát những dòng sông của Nguyễn Thế Quang. Đây là tác phẩm được đánh giá cao về mọi mặt trong nền văn học đương đại. Lí thuyết này xem tác phẩm như một thế giới sống động được chứa đựng trong một hệ thống ngữ liệu phức tạp và độc đáo. Trong đó, mỗi đơn vị ngôn từ là một dấu hiệu về sự “diễn giải” thế giới mà những đối tượng tham gia vào văn bản tạo ra. Sử dụng lí thuyết trên để nghiên cứu tác phẩm truyện có thể giúp người tiếp nhận và phân tích văn chương nhận thức một cách sâu sắc về đẹp của thi pháp ngôn ngữ và hệ thống ý nghĩa ẩn chứa phía sau thế giới nghệ thuật của tác phẩm được nhà văn dày công xây dựng.

Từ khóa: tình thái; truyện; lí thuyết thế giới ngôn từ; *Khúc hát những dòng sông*

1. Mở đầu

Lí thuyết Thế giới ngôn từ (LTTGNT) của Paul Werth với sự bổ cứu của Gavins đã mở ra một hướng đi mới cho phân tích văn bản và tác phẩm văn chương, chỉ ra cách tiếp cận mang tính phương pháp luận có thể lí giải các quá trình tri nhận đằng sau tất cả các hình thức giao tiếp của con người. Khi nhận thức về thế giới hiện thực và diễn đạt nó bằng ngôn ngữ, con người có xu hướng “định vị” mình với những thực thể xung quanh như là một quá trình tham chiếu. Việc lấy tri thức của người tham gia giao tiếp làm mốc để định vị và thực hiện các tham chiếu vào thế giới xung quanh gọi là “trực chỉ”. Thế giới “trực chỉ” có thể là hiện thực trước mắt, của kí ức, của sự tưởng tượng, cũng có thể là của mơ ước. “Trực chỉ” có thể được thể hiện bằng các yếu tố thuộc phạm trù không gian (gần, xa, bao quát, cụ thể...) hoặc thời gian (hiện tại, quá khứ, tương lai), được thể hiện bằng sự vật, hiện tượng, con người... và đi vào văn bản với tư cách là các đối tượng, bối cảnh, sự kiện... Trong đó, các thuộc tính của “trực chỉ” được gắn với từng thực thể. Quá trình tham chiếu của các “trực chỉ” đã tạo ra

Cite this article as: Tran, T. N., Ho, L. T., & Le, N. T. D. (2026). *The song of the rivers by Nguyễn Thế Quang from the perspective of “text world theory”*. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 23(4), 813-824. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.4.5357\(2026\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.4.5357(2026))

Thế giới ngôn từ (TGNT). Như vậy, TGNT là thế giới mà người đọc nhận được trong quá trình “lí giải” nội dung của tác phẩm. Thế giới này được xây dựng từ những nhận thức về thế giới hiện thực của tác giả, của nhân vật và đưa đến cho người đọc bằng một đơn vị ngôn từ ở cấp độ cao nhất đó là văn bản. TGNT không chỉ do ngôn ngữ của tác phẩm quy định mà còn do những yếu tố khác ngoài nó nhưng có mối liên hệ chặt chẽ với nó tạo nên. Đó là kiến thức, năng lực, cảm xúc... của người đọc dùng để “hình dung” ra thế giới của tác phẩm. Cách hiểu của mỗi người về tác phẩm là TGNT của chính họ, thế giới được nhận thức từ thế giới cốt lõi mà ngôn từ tác phẩm tạo ra. Các nhân tố cấu thành TGNT cốt lõi có thể quy về bốn đối tượng cơ bản: 1) thời gian; 2) không gian; 3) thực thể; 4) các mối quan hệ. Đây là những “tham số” giúp người nghiên cứu và thưởng thức nhận ra TGNT của tác phẩm. Truyện kể như một dòng chảy mà ở đó thông tin về thời gian, không gian, thực thể, các mối quan hệ liên tục thay đổi. Việc nắm bắt được sự dịch chuyển của chúng giúp xác định những tiểu TGNT và kết nối chúng lại thành một hệ thống để người đọc có được một hình dung về tổng thể đối tượng mà nhà văn miêu tả, thể hiện. Theo Werth, TGNT trong tác phẩm mang những đặc điểm, chức năng khác nhau, có thể phân lập thành ba loại cơ bản: 1) thế giới trực chỉ; 2) thế giới nhận thức; 3) thế giới thái độ với sự “can dự” của các yếu tố tình thái (Werth, 1999, p.216). Theo Gavins, các thế giới trong tác phẩm văn chương được hình thành dưới tác động của yếu tố cảm xúc và hiện ra như những thế giới tình thái. Thế giới này được “kích hoạt” nhằm thể hiện thái độ của người nói đối với một đối tượng nào đó. Dưới góc nhìn của LTTGNT, ông cho rằng, một văn bản bất kỳ có thể chứa đựng bên trong nó ba kiểu tình thái điển dạng: tình thái ước vọng; tình thái đạo nghĩa; tình thái nhận thức. Trong đó, tình thái nhận thức là thế giới phổ biến nhất, được thể hiện qua tiêu điểm. Tiêu điểm như là “góc quét” của ống kính phản ánh đối tượng, cùng với nó là ngôi kể và giọng điệu tạo nên thế giới tình thái nhận thức.

Trong một tác phẩm văn chương, thế giới của nhân vật, của tác giả và của người đọc hòa quyện vào nhau và chịu sự chi phối của “hệ sinh thái văn hóa” mà chủ thể phản ánh có mặt trong đó. Điều này cũng cho thấy sự gần gũi giữa LTTGNT với hướng phân tích diễn ngôn, nhất là khi Nguyễn Hòa chú ý đến khía cạnh văn hóa của diễn ngôn, còn Đỗ Hữu Châu nhấn mạnh diễn ngôn bao hàm cả nội dung thông tin và nội dung liên nhân. Tuy nhiên, trong hướng tiếp nhận từ LTTGNT, vấn đề không dừng lại ở việc nhận diện diễn ngôn, mà hướng đến các yếu tố ngôn từ, tri thức nền, kinh nghiệm văn hóa và hoạt động tiếp nhận cùng tham gia tạo nên thế giới của tác phẩm. Đây là một điểm khác biệt rất lớn về TGNT của truyện với các loại diễn ngôn phi nghệ thuật khác. Đọc *Khúc hát những dòng sông* của Nguyễn Thế Quang bằng LTTGNT có thể cho ta những phát hiện sâu sắc và thú vị về nghệ thuật biểu hiện. Từ một góc nhìn và cảm thức riêng, Nguyễn Thế Quang đã vẽ lên một bức tranh chân thực và vô cùng cảm động về nhân vật Hoàng Thị Loan, thân mẫu Hồ Chí Minh. Người là kết tinh những phẩm chất truyền thống cao quý của người phụ nữ xứ Nghệ. Tất cả tính cách, tâm hồn của người đàn bà ấy quyện vào những “khúc hát sông quê” đã đưa cậu bé Nguyễn

Sinh Cung lớn lên cùng lời ru cánh võng, vượt thoát khỏi những khuôn khổ chật hẹp của lễ thường và giới hạn của các bậc tiền bối để đến với biển lớn tình yêu tổ quốc và nhân loại.

2. Các “Thế giới ngôn từ” của *Khúc hát những dòng sông*

Tiểu thuyết *Khúc hát những dòng sông* như một ẩn dụ, “trăm sông đổ về biển cả”, biểu tượng “ông đồ xứ Nghệ” và “thánh mẫu miền Trung”, với một hệ thống sự kiện lồng vào đó các hồi tưởng được sắp xếp khá đơn giản nhưng rất hiệu quả. Từ LTTGNT và những yếu tố khác như thời điểm ra đời, tác giả, người đọc hôm nay và những tư liệu phổ biến về văn hóa dân tộc cho phép ta tri nhận và lí giải TGNT của tác phẩm *Khúc hát những dòng sông* với độ tin cậy cao. Có thể hình dung cấu trúc hệ thống TGNT cốt lõi trong tác phẩm qua chiều hướng sau: TGNT “quê nhà” → TGNT “đường vô xứ Huế” → TGNT “giữa chốn kinh thành” → TGNT “vĩ thanh”. Với bút pháp tự sự song hành thời gian - không gian tuyến tính, các TGNT của tác phẩm hiện ra rõ nét và cảm động.

2.1. TGNT “quê nhà”

TGNT “quê nhà” được xây dựng trong 3 chương, từ chương 1 đến chương 3: TGNT (1) đời sống sinh hoạt của bà Loan và cậu Cung → TGNT (2) bà Loan quyết tâm vào Kinh nuôi chồng và con ăn học → TGNT (3) cha con cử Sắc viếng mộ và thăm các bậc văn nhân trước khi từ biệt vào Kinh. Các nhân tố cấu thành TGNT cũng khá cụ thể. Tham tố thời gian có sự đan xen nhau giữa thời gian thực tại và thời gian hồi tưởng được cảm nhận qua không gian sinh hoạt của bà Loan khi đã lấy chồng, sinh con và đảm đương việc nhà để chồng lo dùi mài kinh sử. Tham tố không gian là gia đình, làng quê Kim Liên và Hoàng Trù của huyện Nam Đàn tỉnh Nghệ An. Thực thể nhân vật gồm bà Loan, ông Sắc, cậu Khiêm, cậu Cung, ông đồ Hoàng Đường, đồng môn Vương Đình Trân, thầy giáo cũ Nguyễn Thúc Kiềm... Thực thể sự vật gồm núi Thiên Nhẫn, núi Đại Huệ, núi Đụn Sơn, sông Lam, đền vua Mai, sông Ô Lâu, những khúc hát dân ca... Tiêu điểm của 3 chương đầu tập trung vào không gian gia đình với khát vọng học vấn và sự tiếp nối những giá trị đã được các nhà nho lớp trước mở đường.

TGNT (1) với trục chỉ là sự ngưỡng mộ của mọi người dành cho bà Loan: “mình cá trắm, thất đày lưng ong”; “gái một con trông mòn con mắt” (Nguyen, 2020, pp.16-17). Việc tạm thời giao ngôi kể cho một số nhân vật phụ để quy chiếu vào nhân vật chính đã kích hoạt cảm xúc nơi người đọc từ tính chân thực của các trục chỉ. Thời gian quay ngược về quá khứ để làm xuất hiện một thế giới vọng tưởng về mối nhân duyên do cha sắp đặt. Lời đề nghị của thầy Hoàng Đường được mở đầu bằng sự ngỡ ngàng: “Ta coi anh như con trong nhà... Giờ ta muốn tác thành cái Loan với anh” (Nguyen, 2020, p.23). Và lời đáp đầy cảm động trong sự ngập ngừng của chàng thanh niên: “Dạ... dạ... thưa thầy. Con là phận... mồ côi nghèo hèn...” (Nguyen, 2020, p.23). Từ đối thoại của hai người, tác giả chuyển qua lời độc thoại thể hiện sự ý nhị rất mực của một cô gái nét na: “anh Sắc nghèo mà muốn học để hiểu chữ nghĩa thánh hiền” (Nguyen, 2020, p.20). Trục chỉ về sự thắc mắc của Cung với người mẹ khi nghe lời hát ru vọng lên từ dòng sông quê: “Ai biết nước sông Lam rằng là trong là đục – Mới biết cuộc đời rằng là nhục là vinh...” (Nguyen, 2020, p.27) đã cắt ngang thế giới vọng tưởng để

kiến tạo một thế giới tình thái mới. Thêm vào đó là các trục chỉ giữa con người với ngoại giới: “Sắc quay lại. Trên gương mặt đầy phong sương, hoàng hôn tối sẫm đã ulla vào đôi hốc mắt sâu”; “hai người đi vào làng, bóng tối ulla đầy trên các mái rạ” (Nguyen, 2020, p.33) đã gọi ra trong tâm trí người đọc một không gian u uất của vợ chồng cử Sắc khi sự cố gắng đến kiệt sức mà thành quả vẫn chưa đến...

TGNT (2) với các trục chỉ của việc cử Sắc cho vợ biết mình đã được nhận vào học trường Quốc Tử Giám. Bà Loan mừng vì dù thi rớt nhưng chồng “vẫn còn có chí học hành để dành đại khoa” (Nguyen, 2020, p.37). Niềm vui đó có được từ việc bà luôn ghi nhớ lời cha lúc trần trời và tự nhủ với lòng mình: “con sẽ cố cha ơi” (Nguyen, 2020, p.38). Từ điểm nhìn của chị cả San, bà Loan là hình ảnh của người đàn bà Việt của một thời xa xưa “gánh gạo đưa chồng” nay là “kiếm gạo nuôi chồng”. Tính chất đạo nghĩa chuyển dần sang một TGNT tình thái khi cậu Cung ngủ cùng ngoại đêm cuối trước chuyến đi xa và được nghe bà hát về “nhiều điều phủ lấy giá gương...”. Lời hát lại một lần nữa lắng đọng thêm trong lòng cậu bé một nỗi niềm, một tình yêu thương con người vô bờ bến...

TGNT (3) với trục chỉ là cử Sắc đưa con lên núi viếng mộ các bậc cao minh và đi thăm các văn nhân, nho sĩ trước khi lên đường vào Kinh. Trục chỉ đầu tiên là việc lên núi Đại Huệ thắp hương cho thầy giáo cũ Nguyễn Thúc Kiều. Nhìn lên cây núi lưa thưa “Cung nghe ròn rợn nhưng vẫn nắm chặt tay cha, rảo bước” (Nguyen, 2020, p.59). Cử Sắc nói cho các con biết thầy từ quan về quê dạy học nhưng buồn phận nước mà lặng lẽ ra đi. Tiếp đến là đưa các con đi gặp người đồng môn Vương Đình Trân, một người tài đức đỗ đạt nhưng cáo quan về quê dạy học. Và cuối cùng là viếng đền vua Mai trên núi Đụn Sơn, người giết hổ dẹp quân nhà Đường làm Cung thắc mắc về xuất thân nghèo khó mà vẫn được làm vua: “Cha ơi! Thế con người nghèo mà giỏi cũng được làm vua chứ không phải con trời mới làm vua, phải không cha” (Nguyen, 2020, p.68). Trong chương này, Nguyễn Thế Quang đã dựng lên cả một TGNT tình thái nhận thức về không gian hoạt động của cha con cử Sắc hết sức đặc biệt, nó gieo vào lòng người đọc hình dung về một sự tiếp nối đang diễn ra một cách âm thầm giữa các thế hệ cùng đi trên một con đường đầy gian khó nhưng rất hào hùng...

2.2. TGNT “đường vô xứ Huế”

TGNT “đường vô xứ Huế” được tạo lập trong 3 chương: TGNT (4) từ nhà đến trung tâm Hà Tĩnh → TGNT (5) từ trung tâm Hà Tĩnh đến đỉnh Đèo Ngang → TGNT (6) từ Đèo Ngang đến Quảng Bình, Quảng Trị. Tham tố thời gian là những ngày cuối đông giá rét của năm Ất Mùi 1895. Tham tố không gian là đường đi từ quê nhà Hoàng Trù đến Huế, qua địa phận Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị. Thực thể nhân vật gồm những con người trong gia đình bà Loan, bà Tú Đường, vợ chồng An, bé Thanh. Thực thể sự vật gồm những di tích, đền đài, miếu thờ, những trũng sâu vực thẳm, những thú trĩu nặng trên hai đầu đòn gánh, thú dữ, thú lành, những đụn cát nối tiếp nhau, những cơn gió lạnh... Các tham tố được tác giả lựa chọn thể hiện rõ tiêu điểm của 3 chương tiếp theo tập trung vào vẻ đẹp của những

danh nhân, những người mẹ, người phụ nữ mà bà Hoàng Thị Loan đã gặp trên đường đi đã tạo thêm sức mạnh trên hành trình gian khó giúp chồng và nuôi dạy con nên người.

TGNT (4) với tham tố thời gian “gà gáy canh ba” bà Loan đã dậy chuẩn bị cơm nước để khởi hành. Cử Sắc “thắp hương bên bàn thờ cha, báo cuộc ra đi, xin tổ tiên phù hộ cho cuộc hành trình thuận buồm xuôi gió” (Nguyen, 2020, p.73), bốn người ra khỏi cổng, “Bà Tú Đường, vợ chồng An và bé Thanh tần ngần đưa tiễn” (Nguyen, 2020, p.74). Một TGNT khác được mở ra cùng không gian đồng ruộng quê hương. Ra đến bờ đê, “Loan nhìn ra: sông Lam như dải lụa đẹp trong trẻo trải rộng trước mắt... Chị trầm nghĩ: “Ta phải xa sông quê và bao giờ gặp lại. Đồi con gái như con thuyền lênh đênh mười hai bến nước...” (Nguyen, 2020, p.75). Và khi “sang đến bờ bên kia anh cử Sắc dừng lại, ngoái nhìn dòng sông: “Ôi! Sông Lam xanh của tuổi thơ vất vả và sôi động, của bao kỉ niệm với trai làng và mối tình với Loan như trong mơ” (Nguyen, 2020, p.75). Thế giới tình thái được dựng lên với những kỉ niệm một thời đẹp đẽ nhất của hai vợ chồng ủa về từ trong hồi tưởng làm cho cuộc li hương thêm da diết buồn thương. Sau những phút giây dành cho kí ức, thế giới trực chỉ hiện ra qua sự trở lại của thực tại. Tiêu điểm hướng về không gian của “cả bốn người thành hàng dài, thẳng phương Nam mà đi tới. Gần trưa, đến chợ Thượng (Hà Tĩnh)” (Nguyen, 2020, p.76), bà Loan mua bốn chiếc áo toi. Nhìn vợ, cử Sắc nhớ đến dân làng Tiên Điền, nhớ đến lời kể của bố vợ về cụ Xuân Quận Công, có mẹ họ Phan đẹp người đẹp nét đã sinh ra 3 bậc hiền tài Nguyễn Huệ, Nguyễn Nghiễm và Nguyễn Trọng. Từ đây, một thế giới tình thái mới xuất hiện, sự liên tưởng nảy sinh trong lòng bà Loan về lòng quyết tâm học hỏi và làm theo tiên nhân, “mình sẽ cố gắng sống như Phan phu nhân nhưng không hiểu con trai mình có thành người tài giỏi giúp đời?” (Nguyen, 2020, p.79). Thế giới tình thái tiếp tục phát triển với việc cả nhà ghé thăm ông Đoàn Tử Quảng, một người “hơn bảy mươi tuổi, đi thi cử nhân nhiều lần chưa đậu mà vẫn quyết đi thi tiếp”. Điều đó đã nảy sinh trong lòng bé Cung thắc mắc về khát vọng làm quan và được cha giải thích là “có nhiều người đi thi để làm quan nhưng cũng có một số người đi thi không phải vậy” (Nguyen, 2020, p.80). Lời nói này đã gieo vào lòng cậu bé 5 tuổi một giá trị rất khác nữa của nghiệp khoa cử. Lời dặn của bà cụ mẹ tú Đoàn đã tạo ra một thế giới đạo nghĩa từ trong lời độc thoại đầy cảm khái của bà Loan: “mới chỉ một đoạn đường mà ta đã biết hai người mẹ lớn” (Nguyen, 2020, pp.83-85).

TGNT (5) mở ra với những trực chỉ báo trước sự gian nan khi Khiêm và Cung thắc mắc với cha về lời nói của Đoàn mẫu so sánh chuyến đi của nhà mình như Đường Tăng thỉnh kinh đã mở ra một thế giới nhận thức qua sự liên tưởng đến “81 thử thách mới thành chính quả” (Nguyen, 2020, p.87). Bằng hành động giải thích, cử Sắc đã gieo ý chí vượt khó và hạt giống từ bi vào lòng con trẻ. TGNT dịch chuyển sang những trực chỉ của không gian đèo Ngang. Đầu tiên là việc vào thắp hương đền thờ “Chế thắng phu nhân” và lời giải thích của người gác đền về liệt nữ tình nguyện trảm mình để đoàn quân chinh phạt Chiêm Thành vượt qua sóng gió được vua Lê Thánh Tông phong là Linh Mẫu đã làm nảy sinh trong lòng cậu bé Cung một ý nghĩ về nét nghĩa hiếm gặp của từ “mẹ”: “lo cho dân như mẹ lo cho con, dám

chết để cứu dân như mẹ cứu con” và gọi ra một miền suy tưởng trong lòng bà Loan khi thẳm nghĩ: “đàn bà đất Việt xưa nay có bao bậc nữ nhi đáng phục” (Nguyen, 2020, pp.93-94). Không gian được mở ra với biển cả mênh mông đã tạo nên sự liên tưởng của sự khai mở và những điều mới lạ đang chờ đón Cung ở phía trước. TGNT về cuộc hành trình đến Đèo Ngang kết thúc bằng một đêm lạnh, khi đang ngủ trước đền Thánh Mẫu thì gặp cọp. Nhưng trong phút nguy nan ấy “chợt có tiếng con nai nào đó kêu toác lên ở phía trên đỉnh đèo. Con hổ bỗng quật đuôi xuống đất, gầm lên một tiếng rồi vụt lao đi” (Nguyen, 2020, p.102). Yếu tố chứa đựng màu sắc huyền thoại nhưng rất hợp logic khiến người đọc cảm nhận được sự linh ứng của đất trời, thần thánh với thiên mệnh của một gia đình đang gánh vác vận nước trên vai...

TGNT (6) với tham tố không gian là “gió mùa đông bắc thổi ào ào qua rừng phi lao không ngừng, không nghỉ” và “phóng tầm mắt nhìn ra xa vẫn là cát: còn thấp, còn cao... Nhìn sang bên phải, bên trái cũng cát, cát nổi cát, còn nổi còn chạy dài như vô tận” (Nguyen, 2020, p.103). Bà Loan thì “thân thể hao gầy với đôi gánh trĩu trên vai một đầu sách của chồng, một đầu đồ dùng gia đình đang cố từng bước trên cát lún giữa những trận gió lạnh liên hồi không ngừng, không dứt” (Nguyen, 2020, p.104). Các trục chỉ tái hiện một thế giới tình thái nhận thức về những gian khó chồng chất mà cả nhà cử Sắc đang phải đối mặt. TGNT dịch chuyển sang tình thái nội cảm với việc cử Sắc nhìn trời nước mênh mông, tâm niệm một điều thiêng liêng: “đúng là có bao người đi tìm lợi nhưng Cao tiên sinh không đi tìm lợi, ta không đi tìm lợi” (Nguyen, 2020, p.105) và hồi tưởng lời thầy Nguyễn Thúc Tự: “làm trai khi nước mất thì bổn phận lớn nhất là đem thân mình giành lại giang sơn” (Nguyen, 2020, p.105). Bà Loan nhắc đến hai chữ “đồng bào” đã gọi cho Cung một câu chuyện về mẹ Âu Cơ và hiểu ra những người ở đâu cũng đều là con dân của nước Việt. TGNT tình thái dịch chuyển, đứng trước Quảng Bình Quan, “giữa dòng mấy chiếc thuyền chở đầy lá dong đang trôi xuôi dòng”, lắng nghe một điệu hò nhắc tới Núi Đèo Ngang, Núi Lý Hòa, sông Gianh với những lời thề sắt son đã cho Cung hiểu sâu hơn về phân tranh Trịnh Nguyễn (Nguyen, 2020, pp.110-111). TGNT tình thái tiếp tục chuyển tiêu điểm đến không gian sông Ô Lâu. Những câu hò, câu hát buồn thương gợi nhớ câu chuyện về một người con gái đã chết vì chờ đợi chàng trai vào kinh ứng thí, khi đỗ đạt trở về thì “cây đa vẫn còn, bến cũ vẫn còn mà người lái đò xưa không thấy”, cố nhân ra đi trong mồn mồn đã ám ảnh tâm trí bà Loan như một dự cảm li biệt buồn đau đang đợi mình ở phía trước...

2.3. TGNT “giữa chốn kinh thành”

TGNT “giữa chốn kinh thành” gồm 11 chương tái hiện cuộc vật lộn để nuôi con và chăm lo cho chồng ăn học của bà Loan tại kinh thành Huế, những ngày chồng hồng thi, đi dạy học xa, những ngày đau ốm, những ngày sinh nở vắng chồng và sự lóe sáng của một trí tuệ trong con người cậu bé Cung. Đây là những “mảnh ghép” về đời sống của gia đình bà Loan ở chốn kinh thành: TGNT (7) nghe điệu hò giã gạo xứ Huế → TGNT (8) Cung chứng kiến lễ cúng âm hồn → TGNT (9) gia cảnh rơi vào túng quẫn cùng cực → TGNT (10) gieo

mầm thiện lương → TGNT (11) bà Loan răn con từ lỗi nhỏ để tránh họa lớn → TGNT (12) Cung với sự thấu hiểu những đóng góp to lớn của tiền nhân → TGNT (13) Cung thấu nỗi nhục mất nước → TGNT (14) Cung cảm nhận nghĩa tình sâu đậm của mẹ và cha → TGNT (15) bà Loan giữ tiết hạnh → TGNT (16) bà Loan thấu nỗi gian nguy khi chuẩn bị vượt cạn một mình → TGNT (17) bà Loan từ già cõi đời. Tham tố thời gian là những năm tháng cả gia đình bà Loan sống ở Huế trong vòng khoảng 6 năm, từ tháng 11 năm Ất Mùi 1895 – tháng chạp năm Canh Tý 1901. Tham tố không gian là kinh thành Huế. Thực thể nhân vật gồm các thành viên trong gia đình bà Loan, ông già hát xẩm, thầy Hoàng Thông, Quản Cơ Tấn, bà Thảo, chú San, người phu xe, ông Tây. Thực thể sự vật gồm những địa danh như chợ Đông Ba, sông Hương, cầu ngói Thanh Toàn, chùa Thiên Mụ, cầu Thành Thái, Tòa Khâm Sứ, trường Quốc Tử Giám, những điệu hò, khúc hát. Các tham tố được tác giả sử dụng thể hiện rõ tiêu điểm của 11 chương tiếp theo tập trung vào không gian sinh hoạt, kiếm sống của gia đình và những tiếp xúc với các sự kiện, di tích... ở Kinh đô.

TGNT (7) mở ra với tham tố thời gian - không gian là mùa đông giá rét, “Gió lạnh vẫn rít lên từng trận, từng trận, thổi qua những vườn cây, ùa tràn vào nội thành” (Nguyen, 2020, p.118); tết đến gần, mẹ Loan “bấm bụng may cho hai con quần áo mới”, nhà lại càng tưng tắng hơn (Nguyen, 2020, p.119). Tiêu điểm tập trung vào việc bà Loan đưa các con đi nghe hò già gạo. Từ điệu hò cất lên gợi ra một TGNT vọng tưởng về hội hát phường vải. Tiêu điểm lại bị thu hẹp với sự băn khoăn của Cung khi trong câu hát có nhắc đến “tình nước non” và “nước non là nghĩa là tình ai ơi” (Nguyen, 2020, p.128). Trong hai lần điệu, Cung chỉ quan tâm đến những điều lớn lao vượt ra ngoài nỗi lo đói khát gặt gạo đang làm cho bà Loan thân héo ruột rầu...

TGNT (8) khởi đầu bằng sự kiện Cung hốt hoảng: “Mẹ ơi! Xương người... sọ người... nhiều lắm” (Nguyen, 2020, p.130). Từ đây xuất hiện một thế giới tình thái đạo nghĩa về hiện thực của quá khứ đau thương đang bày ra trước mắt: “Kinh thành lửa cháy vùn vi/ Kẻ thì chết đạn kẻ thì chết sông/ Kẻ thì chết sấp ngoài đồng/ Người chết chắt chùng lia mẹ lia cha...” (Nguyen, 2020, p.134). Ngôi kể được trao lại cho bà Loan qua lời đối thoại hẫng: “Ngoài ngã tư họ đào đất thấy nhiều hài cốt quá” (Nguyen, 2020, p.135). Nghe vợ kể nhưng thái độ cử Sắc rất lạ, “không nói gì, lặng lẽ thấp đèn xem lại bài văn của mình” (Nguyen, 2020, p.135). Từ đây, một thế giới tình thái nhận thức xuất hiện, tâm trạng sóng cuộn lửa sôi bao trùm lấy ý nghĩ của cử Sắc: “thương thay vợ con mình lớn lên gặp buổi nước nhà bị bọn tây Dương chiếm. Bài học lớn đầu tiên mà mẹ đưa con đi học là nỗi đau buồn mất nước” (Nguyen, 2020, p.135). Tiêu điểm tiếp tục di chuyển và thay đổi liên tục với việc bà Loan “nhìn theo bóng ba cha con đang đi vào vùng hương khói của kinh thành” (Nguyen, 2020, p.137); ba cha con chứng kiến những con người “đang quỳ lạy trước bao nắm mồ” (Nguyen, 2020, p.139); cử Sắc cảm nhận được một điều lớn lao đang dần dần thành hình hài trong trái tim thơ dại của người con út; ông già hát xẩm nhận ra Cung là “cậu bé xứ Nghệ” và trần tình về cái đêm nhà cụ “bị đốt, vợ tôi... con trai tôi... bị chết cháy”; “Cung cảm thấy có cái gì đó

trào dâng lên nghẹn cả cổ, ngược nhìn lên thấy khuôn mặt của ông xám già đanh lại, đầy uất hận” (Nguyen, 2020, p.142). Tất cả trực chỉ trên làm hiện ra một thế giới tình thái đạo nghĩa, một nỗi đau của kẻ sĩ bất lực vì thời thế, chỉ biết nuốt nước mắt vào trong...

TGNT (9) với các trực chỉ “mưa dầm xứ Huế lê thê từ ngày này qua ngày khác”; “mùi khét của bếp trấu lại đưa Loan trở về với thực tại. Đói! Cái đói đã bao lần, bao đêm hành hạ, làm căng tâm trí chị cừ” (Nguyen, 2020, pp.143-144); vãi dẹt ra, “chợ Đông Ba đã vắng mà không bán được thước nào” (Nguyen, 2020, p.147). Tiêu điểm tập trung tái hiện một không gian đặc biệt, cái đói đi cùng cái rét trong đêm khuya bao trùm gia đình bà Loan. Giữa những yếu tố trực chỉ về cái đói réo rất không buông, tham tố chú San đến nhà chơi, chứng kiến cậu Cung trồng hoa dâm bụt uốn cong cho “giống như cổng ông ngoại” và thốt lên: “đức hiền tại mẫu” (Nguyen, 2020, pp.151-152) đã giúp người đọc thoát khỏi trạng thái ám ảnh bởi sự u ám của cái lạnh giá và đói ăn trong gia đình cử Sắc, mở ra một TGNT tình thái vọng tưởng về một cái gì đó thuộc về thì tương lai đang dần chớm nở...

TGNT (10) với trực chỉ về hai cái chết của con ông chủ hiệu buôn Phát Tài và hoàng tử Nguyễn Phúc Nguyên Tăng làm bà Loan nhận ra cái bóng quyền thế của bậc quân vương, công hầu khanh tướng khiến cho không ai dám đụng đến đã biến những đứa trẻ trở nên hư hỏng. Từ đây, một thế giới tình thái nhận thức được mở ra với việc bà Loan nung nấu chí hướng dạy con nên người. TGNT được thúc đẩy bởi hành động ngỏ lời của bà Loan muốn chồng đưa các con lên Chùa Thiên Mụ. Cử Sắc biết vợ làm vậy là để “lo vun đắp mầm thiện”, giúp Cung hiểu thêm về khao khát của người xưa xây chùa để “hội tụ được linh khí của đất trời làm cho giang sơn mở rộng và bền vững” và “trên có trời, dưới có đất, con người ta là tối thượng, sướng khổ đều do con người tự mình làm nên” (Nguyen, 2020, p.167). Cung quan sát người ta thả chim phóng sinh và miệng nói: “Tự do! Tự do!” giữa lúc những âm thanh “boong... boong...” của tiếng chuông “ngân đều”, “vang xa” (Nguyen, 2020, p.170). Thời gian cũng chuyển động với “nắng nhạt dần”, “sông Hương cũng lững lờ như chảy chậm lại để lắng cho âm thanh huyền diệu lặn vào đáy nước” (Nguyen, 2020, p.172) tạo nên một không khí thiêng liêng lắng đọng đến vô cùng tâm thức. Cung cũng đem con chim nhỏ của mình thả ra và miệng cũng nói: “Tự do... Tự do...” (Nguyen, 2020, p.173). Tất cả trực chỉ của dòng sông, tiếng chuông chùa ngân vọng và hành động, lời nói của Cung đã mở ra một thế giới vọng tưởng dần định hình ở phía trước, thế giới của nỗi khát khao giải phóng dân tộc khi hai chữ “tự do” lúc bấy giờ như một thứ gì đó xa lạ mà rất ít người nghĩ tới...

TGNT (11) với các trực chỉ chồng hỏng thi lần 2; bà Loan ngã bệnh, gia cảnh càng thêm khốn khó; răn con lỗi nhỏ để tránh họa lớn; tham tố không gian là “sau mấy ngày mưa hôm nay trời hừng nắng”; cử Sắc đau lòng khi “nhìn người ta đi chơi vui vẻ mà vợ cặm cũi ở nhà” (Nguyen, 2020, p.176). Các trực chỉ đang gợi ra một không khí hứng khởi với những hi vọng và hội họp đã nhanh chóng chuyển sang một trạng thái khác, thất vọng và buồn đau khi bảng vàng “Sắc không có tên! Thêm một kì thi hội nữa lại hỏng”; lòng cử Sắc đau xót: “sông Lam ơi! Thế là ta lại lỗi hẹn”; lời cảm thán của ngôi kẻ thứ ba: “ba năm – một đời

người là ngấn – nhưng đối với vợ chồng Loan – và cả gia đình thì thật dài” (Nguyen, 2020, pp.176-178) đã khái quát đầy đủ tình cảnh khôn khó đến tuyệt vọng. Tiêu điểm chuyển sang một góc nhìn mới với sự kiện bà Loan bệnh nặng; hai anh em bề nhẵn trong thành nội về cho mẹ nhưng lại bị mẹ đánh đòn. Vì theo cách hiểu của bà Loan: “từ trộm gà rồi đến tha trâu, từ lỗi nhỏ sẽ thành lỗi lớn” (Nguyen, 2020, p.187) đã mở ra một thế giới tình thái nhận thức, trẻ con làm liều dù với mục đích tốt đẹp hay nhân danh bất kì điều nhân nghĩa nào cũng là mằm họa cần phải được ngăn chặn kịp thời với thái độ cương quyết của người lớn.

TGNT (12) mở ra với trục chỉ của việc cử Sắc đưa con đi thăm thú các công trình ở kinh đô để hiểu về các tục lệ. Tham tố thời gian được tác giả lựa chọn là một ngày khá đặc biệt trong năm, “rằm tháng bảy, ngày lễ báo hiếu, ngày xá tội vong nhân” (Nguyen, 2020, p.192). Thế giới trục chỉ tập trung nhiều nhất vào cậu Cung. Đầu tiên là thăm sông Phổ Lợi, một con sông đào với tên gọi hàm ý “mang cái lợi đến rộng khắp mọi miền” (Nguyen, 2020, p.195) đã gợi ra một thế giới nhận thức về một ông vua sáng. Tiếp đến là thăm cầu ngói Thanh Toàn để các con hiểu về công lao của bà Nguyễn Thị Đạo khai hoang lập ấp. Cuối cùng là việc cử Sắc giải thích cho các con về ngày rằm báo hiếu và xá tội vong nhân từ tích chàng La Bộc cầu Phật xá tội cho mẹ vì “điều ngoa gian ác, nên bị đày xuống địa ngục” (Nguyen, 2020, p.201). Hai trục chỉ trước tập trung vào tính chất đạo nghĩa của những con người có chức tước, trục chỉ cuối cùng tập trung vào cá nhân, quan hệ giữa con và mẹ với hướng đích là lòng khoan dung, hiếu nghĩa với những người đã sinh ra mình...

TGNT (13) mở ra với thế giới trục chỉ tập trung vào những quan sát của cậu bé Cung khi xem rước vua; nhìn Tây hồng hách; nghe các bậc tiền bối nói chí nam nhi. Mở đầu là việc Cung hỏi mẹ “rằng không được nhìn mặt vua” và nảy sinh một thế giới vọng tưởng về một ông vua không bắt dân phải cúi đầu khi mình đi qua (Nguyen, 2020, p.205); nhìn Tòa Khâm Sứ lập nên “để theo dõi việc làm của vua” mà thấu hiểu vận nước (Nguyen, 2020, p.208); chứng kiến ông Tây “giơ chân đạp giày vào ngực người phu xe” một cách vô lí và tàn nhẫn mà đau lòng (Nguyen, 2020, p.210); nghe chú San nói về việc “muốn thi cho đậu, có cái danh mà đi khắp nơi tìm người anh hào dám hi sinh cho nước nhà” để hiểu thấu mục đích cao cả thiêng liêng của nghiệp khoa cử (Nguyen, 2020, p.216). Tiêu điểm tập trung chủ yếu về việc chứng kiến những hiện thực đau lòng nhưng cuối cùng dừng lại ở lời bày tỏ của chú San đã mở ra một thế giới nhận thức tình thái về một khao khát cháy bỏng đang phôi thai với một hình hài mới...

TGNT (14) mở ra với thế giới trục chỉ của việc quản giáo trường Quốc học, Hoàng Thông đến báo tin Cung đã được nhận vào học và việc thầy Hoàng Thông kể về “những đêm mưa gió mẹ che đèn cho hai anh em đọc sách, những ngày hè quạt cho hai anh em ngồi làm bài” (Nguyen, 2020, p.222) đã gợi ra một thế giới tình thái của sự đồng cảnh, đồng cảm nơi bà Loan. Thế giới trục chỉ chuyển sang việc bà Loan kể cho Cung nghe chuyện tình Ngưu Lang – Chức Nữ, Chức Nữ “Mê tiếng sáo của Ngưu Lang, nàng quên cả việc canh cửi. Ngưu Lang mê sắc đẹp của Chức Nữ quên cả việc chăn trâu” (Nguyen, 2020, p.229). Ngọc Hoàng

dù cả giận bắt phải chia lìa nhưng vẫn rất cảm thương nên cho họ gặp nhau vào ngày 7 tháng 7, và khi phải rời nhau, nước mắt họ rỏ xuống mà thành “mưa Ngâu” sục sùi như tiếng khóc... Tất cả các trục chỉ đã làm xuất hiện một thế giới tình thái, Cung liên tưởng tới mối tình của cha và mẹ khi cả nhà đắm chìm trong niềm vui tràn ngập và tình yêu thương vô bờ...

TGNT (15) giữ tiết hạnh. Tham tố thời gian – không gian là trung tuần tháng tám; hoàn cảnh xa chồng con vò võ đêm trường của bà Loan trong ngôi nhà thuê vắng lặng. TGNT này chỉ gói gọn trong một sự kiện ngắn nhưng rất “có hậu”. Ngôi bút nhà văn tập trung vào các trục chỉ miêu tả gia cảnh túng bần, đơn lẻ của bà Loan đang hồi cao điểm thì lại có người mấy lần mua lụa đều có ý trả thừa tiền. Người đó là Quản Cơ Tấn trong tử cấm thành, sau một thời gian đã ra mặt và gạ gẫm nhưng bị bà Loan cự tuyệt. Điều đặc biệt là nhờ con mất tinh anh và tấm lòng nhân từ, bà Loan đã thức dậy trong con người Quản Cơ Tấn bản chất tốt đẹp bị nghịch cảnh che lấp. Cái kết này đã tạo ra một thế giới đạo nghĩa đặc biệt, người đọc không những nhận ra một bà cử xinh đẹp, đảm đang, thông minh và nhân từ. Sự hội tụ của những phẩm chất đó ở một người mẹ làm ta liên tưởng đến cái “nhân” cao quý cho một cái “quả” bất ngờ...

TGNT (16) với tham tố thời gian là thời điểm “thời tiết đã vào Đông, gió lạnh”; cha con về xây mộ tổ bên ngoài; bà Loan sắp đến ngày sinh nở, chỉ có bé Cung bên cạnh (Nguyen, 2020, p.245). Thế giới trục chỉ mở ra với sự kiện bà Loan đi cắt thuốc và nghe bà Thảo, vợ ông Vương Đình Quang nói chuyện về duyên nợ vợ chồng, ông ra đi để lại bà lẻ bóng, “chừ đây mới thật lẻ đôi – chừ đây mới thật xa vời âm dương...” (Nguyen, 2020, p.250) chuyển thành thế giới tình thái nhận thức. Nó gợi ra một dự cảm bất an trong lòng bà Loan về cuộc vượt cạn sắp tới. Câu ca dấy lên trong lòng độc giả bao nhiêu dòng cảm thán về chuyện sinh nở của đàn bà: “người chữa cửa mả”... mà cha ông đã tổng kết nên từ ngàn đời nay khiến cho tình thái nhận thức mang sắc thái buồn thương, lo lắng.

TGNT (17) với tham tố thời gian là thời điểm chồng và con trai lớn vẫn kẹt ở quê chưa vào được, Cung hơn mười tuổi; “tháng chạp năm Canh Tý” (1901). Tham tố không gian là bếp lửa và tiếng ru con của bà Loan về thân phận con cò “đi ăn đêm” như một dự cảm chia lìa cho đến lúc bà Loan tắt thở và “tiếng chuông chùa từ xa bỗng ngân vang, vọng đến tiếng: Boong... boong... boong...” (Nguyen, 2020, p.293). Hai lần chuông chùa vọng đến rõ mồn một nhưng hoàn cảnh lại rất khác nhau, lần đầu là lúc những con chim phóng sinh được thả ra bay lên bầu trời cao rộng, còn lần này là tiễn đưa người đàn bà xứ Nghệ, thánh mẫu Hoàng Thị Loan, vợ của một ông cử nghèo vào cõi thiên thu. Tiếng chuông đó mở ra một thế giới tình thái đậm chất đạo nghĩa càng làm cho khung cảnh thêm thê lương, một nỗi ám ảnh lớn cả trong tâm trí Cung lẫn người đọc...

2.4. TGNT “vĩ thanh”

TGNT (18) cái “ngoái đầu nhìn lại” của Nguyễn Sinh Cung khi đứng trước sông Seine. Dòng sông xứ người đã mở ra TGNT tình thái về một chặng đường gian khổ nhất trong đời mình. Các tham tố được nhà văn dùng đến là sự tổng kết về mặt thời gian tuyến tính: từ sông

Lam đến sông Hương rồi sông Sài Gòn là 15 năm, tạo ra một mối liên tưởng trực chỉ với thời gian nàng Kiều bị lưu lạc, đọa đày; từ sông Sài Gòn đến sông Seine là 10 năm rồi ra “Biển cả... Mẹ”. TGNT “vĩ thanh” là cách tác giả muốn làm cho TGNT tổng thể của tác phẩm trở nên trọn vẹn hơn. Những trực chỉ tuy ít nhưng có sức khái quát đủ để vẽ ra trong lòng người đọc một liên tưởng phong phú và rộng lớn: “khúc hát” vọng lên từ “những dòng sông” là lời tỏ bày của bao thế hệ, của bao bà mẹ đã đưa những đứa con đến với biển lớn tình yêu. Chính tình yêu gia đình, quê hương, dân chúng và vạn vật... sẽ đưa ta đến với tình yêu dân tộc, tình yêu nhân loại.

Trong suốt tác phẩm, bằng việc trao ngôi kể một cách thường xuyên cho các nhân vật, nhà văn đã tái hiện một bầu không khí tình thái đậm đặc nhưng rất giàu sức suy tưởng, điều đó đã làm “mềm hóa” tính chất “lạnh lùng” của chính sử.

3. Kết luận

Tiếp cận tiểu thuyết *Khúc hát những dòng sông* từ LTTGNT giúp người nghiên cứu và tiếp nhận thấy được cách thức mà nhà văn sáng tạo nên tác phẩm như thế nào. Bên cạnh đó, việc miêu tả và phân tích các yếu tố tạo nên từng TGNT bộ phận cũng cho ta cái nhìn đa chiều và sâu sắc, giúp định giá mức độ thành công của tác phẩm. Đọc *Khúc hát những dòng sông* bằng góc nhìn của LTTGNT, sẽ cảm nhận sâu sắc sự cao cả và công lao người mẹ - mẹ của một anh hùng dân tộc. Nghệ thuật chọn tiêu điểm và cách trao ngôi kể cho nhân vật, bút pháp miêu tả nội tâm đã giúp Nguyễn Thế Quang có những trang miêu tả rất thành công về nhân vật bà Hoàng Thị Loan trong thời gian sống ở quê nhà cũng như quãng thời gian bà sống và qua đời ở kinh đô Huế... Bút pháp gợi liên tưởng đã tạo ra một thế giới tình thái bao trùm lên toàn bộ tác phẩm tiểu thuyết lịch sử, đảm bảo tính chân thực nhưng không hề bị khô cứng, khuôn sáo.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Do, H. C. (2001). *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2 [An Introduction to Linguistics, Vol. 2]. Education Publishing House.
- Gavins, J. (2001). *Text World Theory: A Critical Exposition and Development in Relation to Absurd Prose Fiction* (unpublished Ph. D thesis). Sheffield, Sheffield Hallam University Press.
- Gavins, J. (2007). *Text World Theory: An Introduction*. Edinburgh University Press.
- Nguyen, H. (2008). Phân tích diễn ngôn: Một số vấn đề lí luận và phương pháp [Discourse Analysis: Some Theoretical and Methodological Issues]. Vietnam National University Press.
- Nguyen, T. Q. (2020). *Khúc hát những dòng sông* [A Song of Rivers]. Youth Publishing House.

- Werth, P. (1995a). How to Build a World (in a Lot Less Than Six Days and Using Only What's in Your Head), In K. Green (ed.). *New Essays on Deixis: Discourse, Narrative, Literature*. Rodopi, 49-80.
- Werth, P. (1995b). *World Enough and Time: Deictic Space and the Interpretation of Prose*. In P. Verdonk and J. J. Weber (eds), *Twentieth Century Fiction: From Text to Context*. Routledge.

**THE SONG OF THE RIVERS BY NGUYỄN THẾ QUANG
FROM THE PERSPECTIVE OF “TEXT WORLD THEORY”**

Tran Thi Nhat^{1*}, *Ho Linh Trung*², *Le Nguyen Thuy Duong*¹

¹Saigon University, Vietnam

²Nguyen Binh Khiem Primary School, Vietnam

*Corresponding author: *Tran Thi Nhat* – Email: *tnhat@sgu.edu.vn*

Received: November 10, 2025; Revised: December 16, 2025; Accepted: January 13, 2026

ABSTRACT

*This article applies “text world theory” to examine *The Song of the Rivers* by Nguyễn Thế Quang, a novel highly regarded in contemporary Vietnamese literature for both its artistic and cultural significance. The theoretical framework views a literary text as a living world embedded within a complex and distinctive linguistic system, in which each linguistic unit functions as a sign representing the ways the world is “interpreted” and constructed by agents within the text. Applying this framework to the analysis of narrative works enables readers and literary critics to gain deeper insights into the aesthetic qualities of linguistic poetics while also uncovering the system of latent meanings that underlies the artistic world painstakingly crafted by the writer.*

Keywords: modality; narrative; text world theory; *The Song of the Rivers*